

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2844/STNMT-BHD

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 6 năm 2018

V/v công khai trên cổng
thông tin điện tử về dự thảo
Ranh giới hành lang bảo vệ
bờ biển tỉnh Quảng Ngãi

Kính gửi:

TT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
ĐẾN	Số: 114
	Ngày: 26.6.18
	Chuyên:

- Trung tâm Công báo và tin học tỉnh Quảng Ngãi;
- Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên môi trường.

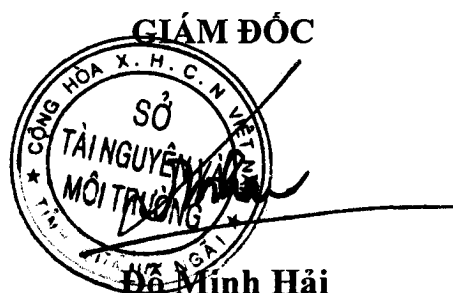
Căn cứ quy định tại Khoản 1, Điều 38, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Trung tâm Công báo và tin học tỉnh Quảng Ngãi, Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên môi trường đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử để lấy ý kiến của các tổ chức, cá nhân có liên quan về dự thảo Ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Quảng Ngãi như phụ lục kèm theo Công văn này.

Nội dung góp ý của các tổ chức, cá nhân gửi bằng văn bản đến Chi cục Biển và Hải đảo (Địa chỉ 163 Hùng Vương – Thành phố Quảng Ngãi) hoặc địa chỉ email: ccbhd.stnmtqngai@gmail.com.

Sở Tài nguyên và Môi trường rất mong sự phối hợp của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. / *Pha*

Nơi nhận: *Pha*

- Như trên;
- GD, PGD (đ/c Tân);
- Chi cục Biển và Hải đảo;
- Lưu VT.



Phụ lục: Ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Quảng Ngãi

(Dự thảo)



I. Hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Quảng Ngãi tại 18 khu vực với chiều dài và diện tích tương ứng như sau:

STT	Ký hiệu khu vực	Địa phương	Chiều dài (m)	Diện tích (Km ²)
I	Huyện Đức Phổ		15.872,30	1,7852
1	KV1	Xã Phổ Châu	5.064,50	0,3902
2	KV2	Xã Phổ Thạnh	2.852,20	0,3309
3	KV2-1	Xã Phổ Khánh	4.314,30	0,4274
4	KV3	Xã Phổ Vinh	3.223,00	0,5879
5	KV4	Xã Phổ Quang	418,30	0,0488
II	Huyện Mộ Đức		2.362,60	0,2329
6	KV5	Xã Đức Lợi	2.362,60	0,2329
III	Thành phố Quảng Ngãi		13.733,90	1,1411
7	KV6	Xã Nghĩa An	4.841,70	0,3684
8	KV7	Xã Tịnh Khê	5.284,40	0,4962
9	KV8	Xã Tịnh Kỳ	3.607,80	0,2765
IV	Huyện Bình Sơn		37.950,60	4,7226
10	KV9	Xã Bình Châu	6.400,70	0,6317

11	KV10	Xã Bình Phú	2.051,90	0,4081
12	KV11	Xã Bình Hải	11.023,00	0,9586
13	KV12	Xã Bình Trị	3.248,10	0,4377
14	KV13	Xã Bình Thuận	11.477,90	1,8201
15	KV14	Xã Bình Thạnh	3.749,00	0,4664
V	Huyện Lý Sơn		10.974,32	1,1333
16	KV15	Xã An Vĩnh	3.690,47	0,4733
17	KV16	Xã An Hải	5.075,80	0,4312
18	KV17	Xã An Bình	2.208,05	0,2288

II. Ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Quảng Ngãi gồm

1. Ranh giới ngoài của hành lang bảo vệ bờ biển tại 18 khu vực trên là Đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi công bố tại Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 20/4/2018.

2. Ranh giới trong của hành lang bảo vệ bờ biển nằm về phía đất liền hoặc về phía trong đảo, là đường nối các điểm có khoảng cách được xác định để bảo đảm chiều rộng hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định. Ranh giới trong của hành lang bảo vệ bờ biển tại các huyện: Bình Sơn, Mộ Đức, Đức Phổ, Lý Sơn và thành phố Quảng Ngãi như các bảng sau.

a) Ranh giới trong của hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn huyện Đức Phổ

TT	Khu vực thiết lập hành lang	Địa giới hành chính	Vị trí ranh giới trong của hành lang bảo vệ bờ biển			Chiều dài hành lang tương ứng (m)	Chiều rộng hành lang bảo vệ bờ biển (m)	Diện tích (km ²)	Mô tả đặc điểm khu vực
			(ĐĐ) (ĐC)	X(m)	Y(m)				
1	KV1	Đoạn 1	ĐĐ(1)	1616273	615051	1.012,5	100	0,0909	Khu vực này: - Đang bị xói lở bờ biển - Có hệ sinh thái rong biển - Dự kiến quy hoạch mở rộng KDL Sa Huỳnh - Dân cư thưa thớt - Có rừng phòng hộ ven biển
			ĐC(2)	1617119	615339				
			Đoạn 2	ĐĐ(3)	1617169	615213	1.060	Ranh giới trong của hành lang tới ranh giới trong của đường giao thông	
		ĐC(4)		1618133	614886				
		ĐĐ(4)		1618133	614886	273,1	100	0,0243	
		Đoạn 3	Xã Phổ Châu	ĐC(5)	1618384	614958	329,5	100	
	ĐĐ(6)			1618811	614854				
	ĐC(7)			1619094	614703	1.136,6	Ranh giới trong của hành lang tới mép trong đường giao thông	0,0897	Khu vực này: - Dân cư thưa thớt - Có đường giao thông ven biển
	ĐĐ(8)			1619099	614717				
	ĐC(9)			1620204	614491				
	ĐĐ(10)	1620218	614570	382,5	Ranh giới trong của hành lang tới ranh giới trong của kè biển	0,014	Khu vực này có kè biển và Khu du lịch Sa Huỳnh		
	ĐC(11)	1620597	614546						
	Đoạn 3	Xã Phổ Châu	ĐĐ(12)	1620597	614502	870,3	80	0,0653	- Rừng phòng hộ ven biển có mật độ che phủ cao
ĐC(13)			1621461	614513					
2	KV2	Xã	ĐĐ(14)	1623546	616252	1.477,7	150	0,2076	- Không có không dân cư, rừng phòng hộ ven

TT	Khu vực thiết lập hành lang	Địa giới hành lang chính	Vị trí ranh giới trong của hành lang bảo vệ bờ biển			Chiều dài hành lang trong ứng (m)	Chiều rộng hành lang bảo vệ bờ biển (m)	Diện tích (km ²)	Mô tả đặc điểm khu vực			
			(ĐĐ) (ĐC)	X(m)	Y(m)							
	Phò Thạnh		ĐC(15)	1624774	615527	735,2	64,5	0,0458	biển thưa thớt - Mật độ dân cư đông đúc (thôn Thạch Đức 1); - Nhu cầu của người dân tiếp cận với biển cao			
			ĐĐ(16)	1624815	615603							
			ĐC(17)	1625507	615421							
						ĐĐ(18)	1625524	615337	493	100	0,0605	- Khu vực này không có dân cư; - Rừng phòng hộ có mật độ che phủ cao
						ĐC(19)	1625875	615634				
						ĐĐ(20)	1627680	614799	146,3	100	0,0170	Đầm An Khê có hệ sinh thái đa dạng; - Không có khu dân cư; - Khu khảo cổ học: Di chỉ Sa Huỳnh
						ĐC(21)	1627801	614719				
3	KV2-1	Xã Phò Khánh	ĐĐ(21)	1627801	614719	4314,3	100	0,4274	Đầm An Khê có hệ sinh thái đa dạng,			
			ĐC(22)	1631389	612361							
4	KV3	Xã Phò Vinh	ĐĐ(23)	1636693	609010	2.004,7	200	0,3983	- Khu vực này có rừng phòng hộ ven biển; - Không có khu dân cư; - Dự kiến quy hoạch Khu du lịch Nam Phước			
			ĐC(24)	1638422	608024							
			ĐĐ(25)	1638476	608132	459,8	80	0,0366	- Dân cư tập trung đông đúc (Thôn Nam Phước)			
			ĐC(26)	1638866	607910							
			ĐĐ(27)	1638820	607795	758,5	200	0,1530	- Khu vực này không có dân cư sinh sống			
			ĐC(28)	1639483	607458							
5	KV4	Xã Phò Quang	ĐĐ(29)	1640635	607090	161,4	150	0,0242	- Khu vực này không có dân cư; - Có rừng phòng hộ ven biển;			
			ĐC(30)	1640759	606989							
			ĐĐ(31)	1640787	607031	256,9	100	0,0246	- Người dân có hoạt động nuôi trồng thủy sản			
			ĐC(32)	1641012	606911							
TỔNG					15.872,3		1,7852					

b) Ranh giới trong của hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn huyện Mộ Đức

TT	Khu vực thiết lập hành lang	Địa giới hành chính	Vị trí ranh giới trong của hành lang bảo vệ bờ biển			Chiều dài hành lang tương ứng (m)	Chiều rộng hành lang bảo vệ bờ biển (m)	Diện tích (km ²)	Mô tả đặc điểm khu vực
			(ĐĐ) (ĐC)	X(m)	Y(m)				
1	KV5	Xã Đức Lợi	ĐĐ(33)	1666881	597096	2.362,6	100	0,2329	Khu vực này có: - Rừng phòng hộ ven biển; - Bờ biển bị xói lở nhẹ; - Khu dân cư tập trung đông đúc (thôn An Chuẩn)
			ĐC(34)	1669182	596846				
TỔNG					2.362,6		0,2329		

c) Ranh giới trong cửa hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi

TT	Khu vực thiết lập hành lang	Địa giới hành chính	Vị trí ranh giới trong cửa hành lang bảo vệ bờ biển			Chiều dài hành lang tương ứng (m)	Chiều rộng hành lang bảo vệ bờ biển (m)	Diện tích (km ²)	Mô tả đặc điểm khu vực
			ĐĐ (ĐC)	X(m)	Y(m)				
1	KV6	Xã Nghĩa An	ĐĐ(35)	1669883	596861	469,7	100	0,0478	Dự kiến sẽ có đường giao thông ở phía Nam
			ĐC(36)	1670336	596750				
			ĐĐ(37)	1670343	596799	954,8	50	0,0478	Khu dân cư tập trung đồng đúc (Thôn Tân Mỹ)
			ĐC(38)	1671273	596608				
			ĐĐ(39)	1671256	596561	479,9	100	0,0469	Khu vực này không có dân cư
			ĐC(40)	1671720	596452				
			ĐĐ(41)	1671726	596499	2.937,3	Ranh giới trong của hành lang tới ranh giới trong của đường giao thông	0,2259	Hiện nay đã có đường bê tông với chiều dài 2,6 km
ĐC(42)	1674530	596160							
2	KV7	Xã Tịnh Khê	ĐĐ(43)	1675673	596182	86	120	0,0121	- Khu vực này có rừng phòng hộ ven biển và bờ biển đang bị xói lở
			ĐĐ(45)	1675757	596162	507,4	Ranh giới trong của hành lang tới ranh giới trong của đường giao thông	0,0492	- Khu vực có đường giao thông ven biển
			ĐC(46)	1676252	596129				
			ĐĐ(46)	1676252	596129	3.027	120	0,3361	- Khu vực không có khu dân cư; - Có rừng phòng hộ ven biển với mật độ dày
			ĐC(47)	1679245	595835				
			ĐĐ(48)	1679241	595895	1.001,5	Ranh giới trong của hành lang tới ranh giới trong của đường giao thông	0,0506	Khu vực này có: + Đường bê tông chạy dọc ven biển; + Khu du lịch biển Mỹ Khê; + Nhu cầu của người dân tiếp cận với biển cao
			ĐC(49)	1680230	595993				
			ĐĐ(50)	1680239	595951	662,5		0,0482	
ĐC(51)	1680883	596199							
	KV8	Xã Tịnh Kỳ	ĐĐ(51)	1680883	596199	356,9	50	0,0161	- Khu vực này không có dân cư
			ĐC(52)	1681165	596356				
			ĐĐ(53)	1681153	596373	681,9	30	0,0203	- Khu vực có mật độ dân cư đông (thôn

TT	Khu vực thiết lập hành lang	Địa giới hành chính	Vị trí ranh giới trong của hành lang bảo vệ bờ biển			Chiều dài hành lang tương ứng (m)	Chiều rộng hành lang bảo vệ bờ biển (m)	Diện tích (km ²)	Mô tả đặc điểm khu vực
			ĐĐ (ĐC)	X(m)	Y(m)				
			ĐC(54)	1681650	596833			Kỳ Xuyên); - Nhu cầu của người dân tiếp cận với biển cao	
			ĐĐ(55)	1681700	596797	644,2	0,0543	Khu vực này có: - Có đường giao thông ven biển; - Có rừng phòng hộ ven biển; - Khu vực này không có dân cư	
			ĐC(56)	1681986	597370				
			ĐĐ(57)	1681925	597378	1.266,5	50	- Khu vực có mật độ dân cư đông (thôn An Vĩnh); - Nhu cầu của người dân tiếp cận với biển cao	
			ĐC(58)	1681502	598282				
			ĐĐ(59)	1681518	598405	658,3	153,8	- Khu vực này có: Dân cư sống thưa thớt và có rừng phòng hộ ven biển	
			ĐC(60)	1681819	598660				
		TỔNG				13.733,9	1,1411		

d) Ranh giới trong của hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn huyện Bình Sơn

TT	Khu vực thiết lập hành lang	Địa giới hành chính	Vị trí ranh giới trong của hành lang bảo vệ bờ biển			Chiều dài hành lang tương ứng (m)	Chiều rộng hành lang bảo vệ bờ biển (m)	Diện tích (km ²)	Mô tả đặc điểm khu vực
			ĐĐ (ĐC)	X(m)	Y(m)				
1	KV9	Xã Bình Châu	ĐĐ(61)	1682517	599517	5.534,2	100	0,5795	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực này không có dân cư; - Bờ biển ít bị xói lở; - Có hệ sinh thái san hô, cỏ biển; - Khu du lịch Ba Làng An
			ĐC(62)	1686282	600121				
			ĐĐ(63)	1686345	600105	516,2	15	0,0099	
			ĐC(64)	1686457	599623				
			ĐĐ(65)	1686402	599570	350,3	100	0,0423	
			ĐC(66)	1686586	599296				
2	KV10	Xã Bình Phú	ĐĐ(67)	1689724	594510	2.051,9	200	0,4081	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực không có dân cư; - Có hệ sinh thái rong mơ, san hô; - Dự kiến quy hoạch Quần thể du lịch nghỉ dưỡng và đô thị FLC – Bình Châu – Lý Sơn
			ĐC(68)	1691427	593389				
			ĐĐ(69)	1691478	593476	644,1	100	0,0644	
			ĐC(70)	1692028	593198				
			ĐĐ(71)	1692066	593257	737,5	Ranh giới trong của hành lang tới ranh giới trong của kè biển	0,0216	
			ĐC(72)	1692746	593280				
			ĐĐ(73)	1692797	593240	4383,1	100	0,4666	
			ĐC(74)	1695581	593422				

TT	Khu vực thiết lập hành lang	Địa giới hành chính	Vị trí ranh giới trong của hành lang bảo vệ bờ biển			Chiều dài hành lang trung (m)	Chiều rộng hành lang bảo vệ bờ biển (m)	Diện tích (km ²)	Mô tả đặc điểm khu vực
			ĐĐ (ĐC)	X(m)	Y(m)				
4	KV12	Xã Bình Trị							đường và đô thị FLC – Bình Châu – Lý Sơn
			ĐĐ(75)	1695651	593418	308,9	30	0,0091	- Khu dân cư đông đúc; - Người dân có sinh kế phụ thuộc vào nghề cá ven bờ;
			ĐC(76)	1695721	593128				
			ĐĐ(77)	1695660	593093	805,8	100	0,0773	- Khu vực này không có dân cư;
			ĐC(78)	1696282	592608				
			ĐĐ(79)	1696313	592671	1.802,4	30	0,0537	- Khu dân cư đông đúc (KDC Thanh Thủy, Phước Thiện 1, Phước Thiện 2); - Người dân có sinh kế phụ thuộc vào nghề cá ven bờ; - Có rừng phòng hộ ven biển.
			ĐC(80)	1697678	593188				
			ĐĐ(81)	1697741	593159	2.341,2	100	0,2659	- Khu vực này không có dân cư
			ĐC(82)	1697339	591748				
			4	KV12	Xã Bình Trị	ĐĐ(83)	1697289	591738	809,2
ĐC(84)	1697594	591065							
ĐĐ(85)	1697681	591114				465	50	0,0230	- Khu dân cư đông đúc (KDC Lệ Thủy), người dân có sinh kế phụ thuộc vào nghề cá ven bờ; -Có hệ sinh thái san hô, cỏ biển
ĐC(86)	1697982	590762							
ĐĐ(87)	1697903	590701				1.973,9	150	0,2904	- Có rừng phòng hộ ven biển
ĐC(88)	1699411	589454							
5	KV13	Xã Bình Thuận	ĐĐ(88)	1699411	589454	8.993,5	150	1,4074	-Bờ biển có rừng phòng hộ ven biển; - Có dạng bờ vách đá; - Khu vực có hệ sinh thái san hô
			ĐC(89)	1704552	587227				
			ĐĐ(89)	1704552	587227	1.590,6	Ranh giới trong của hành lang tới ranh giới trong của đường giao	0,1672	Có đường giao thông phía trong nhà máy Lọc Dầu Dung Quất
			ĐC(90)	1705171	585831				

TT	Khu vực thiết lập hành lang	Địa giới hành chính	Vị trí ranh giới trong của hành lang bảo vệ bờ biển			Chiều dài hành lang tương ứng (m)	Chiều rộng hành lang bảo vệ bờ biển (m) thông	Diện tích (km ²)	Mô tả đặc điểm khu vực
			(ĐĐ) (ĐC)	X(m)	Y(m)				
			ĐĐ(90)	1705171	585831	893,8	150	1,4074	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực có hệ sinh thái san hô, rong biển ven bờ; - Khu vực này có Nhà máy Lọc dầu Dung Quất
			ĐC(91)	1705374	585346				
6	KV14	Xã Bình Thạnh	ĐĐ(92)	1701949	582577	3772	100	0,3735	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực này có khu dân cư đông đúc (thôn Hải Ninh); - Người dân có hoạt động sinh kế chủ yếu là nghề biển - Khu du lịch biển Thiên Đàng; Bãi biển Khe Hai; - Xói lở bờ biển ở cửa Sa Cầm
			ĐC(93)	1703035	579160				
		TỔNG				37.973,6		4,6297	

đ) Ranh giới trong của hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn huyện Lý Sơn

TT	Khu vực thiết lập hành lang	Địa giới hành chính	Vị trí ranh giới trong của hành lang bảo vệ bờ biển			Chiều dài hành lang tương ứng (m)	Chiều rộng hành lang bảo vệ bờ biển (m)	Diện tích (km ²)	Mô tả đặc điểm khu vực	
			(ĐĐ) (ĐC)	X(m)	Y(m)					
1	KV15	Đoạn 1	ĐĐ(94)	1700815	617583	1.096,9	30 (kể từ mép ngoài của đường cơ động)	0,0221	Khu vực này - Có Đường cơ động; - Dân cư tập trung đông đúc; - Có hệ sinh thái cỏ biển, san hô	
			ĐC(95)	1700618	618549					
		Đoạn 2	ĐĐ(96)	1700246	619603	306,9	30 (kể từ mép ngoài của đường cơ động)	0,0061	- Khu vực này có Đường cơ động; - Có di tích Giếng nước Xó La	
			ĐC(97)	1700140	619886					
		Đoạn 3	ĐĐ(98)	1701624	617302	929,25	Ranh giới trong của hành lang tới ranh giới trong của đường giao thông	0,2410	- Khu vực này có Đường cơ động giai đoạn 2; - KDC tập trung đông đúc; người dân có sinh kế gắn với nghề cá ven bờ; - Có thắng cảnh là Công Tò Vò	
			ĐC(98a)	1702311	617796					
			Xã An Vĩnh	ĐĐ(98b)	1702198	617827	1357,42	150	0,2041	- Khu vực này không có khu dân cư; - Dự kiến xây dựng Đường cơ động giai đoạn 3
				ĐC(99)	1702441	619163				
	2	KV16	Đoạn 1	ĐĐ(97)	1700140	619886	2.776,8	30 (kể từ mép ngoài của đường cơ động)	0,0557	Khu vực này - Có Đường cơ động; - Có hệ sinh thái san hô, cỏ biển; - Có di tích đền An Hải
				ĐC(100)	1701053	622262				
Đoạn 2		ĐĐ(99)	1702441	619163	1.311,1	150	0,1948	- Dự kiến xây dựng Đường cơ động giai đoạn 3; - Có hệ sinh thái san hô, cỏ biển		
		ĐC(101)	1702248	620413						

TT	Khu vực thiết lập hành lang	Địa giới hành chính	Vị trí ranh giới trong của hành lang bảo vệ bờ biển			Chiều dài hành lang tương ứng (m)	Chiều rộng hành lang bảo vệ bờ biển (m)	Diện tích (km ²)	Mô tả đặc điểm khu vực		
			(ĐĐ) (ĐC)	X(m)	Y(m)						
3	KV17	Xã An Bình	ĐĐ(102)	1702120	621621	987,9	150	0,1807	- Bờ biển khu vực này đang bị xói lở mạnh; - Không có dân cư sinh sống; - Có thắng cảnh Hang Câu; Chùa Hang		
			ĐC(103)	1701886	622446						
			ĐĐ(104)	1706529	615542	1632,96	100	0,1903	- Khu vực này có hệ sinh thái san hô; có biển - Dân cư tập trung thưa thớt; - Người dân có hoạt động nghề cá ven bờ		
			ĐC(105)	1706665	616288						
			ĐĐ(106)	1706628	616358	269,95	Ranh giới trong của hành lang tới ranh giới trong của kè biển	0,0055	- Người dân có hoạt động nghề cá ven bờ		
			ĐC(107)	1706450	616172						
			ĐĐ(108)	1706520	616130	305,14	100	0,0330	- Khu vực này có hệ sinh thái san hô; có biển - Dân cư tập trung thưa thớt;		
			ĐC(109)	1706493	615836						
			TỔNG					10.974,32		0,66	

Ghi chú:

- Dsl: Khoảng cách nhằm giảm thiểu thiệt hại do sạt lở bờ biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng
- Dst: Khoảng cách nhằm bảo vệ hệ sinh thái
- Dtc: Khoảng cách nhằm đảm bảo quyền tiếp cận của người dân so với biển
- Dgt: Đường giao thông ven biển
- (ĐĐ): Điểm đầu; (ĐC): Điểm cuối